Phụ lục 49
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ AN MINH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 3, 5, 6, 15, 16, 29, 37, 38, 39, 40, 41, 45, 46, 47 Phụ lục 49 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL49 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC**			
1	1	Đường Tỉnh 967		
	38	- Từ Kênh Danh Coi - Cống Ba Nghé	756	Sắp xếp lại vị trí các đoạn của Đường Tỉnh 967; Hủy bỏ TT 38 Phụ lục 49 NQ16/2025/NQ-HĐND
	41	- Từ kênh 26 tháng 3 - Kênh 25	773	Sắp xếp lại vị trí các đoạn của Đường Tỉnh 967; Hủy bỏ TT 41 Phụ lục 49 NQ16/2025/NQ-HĐND
	41	- Từ kênh 25 - Ngã Bát	571	Sắp xếp lại vị trí các đoạn của Đường Tỉnh 967; Hủy bỏ TT 41 Phụ lục 49 NQ16/2025/NQ-HĐND
2	3	Bờ Tây kênh Tân Bằng - Cán Gáo		

TT	Số TT PL49 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		Đoạn còn lại cách 500 mét đến kênh Xã Lập	619	Sửa tên đường (Tên cũ: Đoạn còn lại đến kênh Xã Lập
3	5	Đường Tỉnh 965B (Thứ 11 - An Minh Bắc)		
		- Ngã tư Kênh Hãng và KT1 về mỗi phía 500m	742	Sắp xếp lại vị trí các đoạn của Đường Tỉnh 965B (Thứ 11 - An Minh Bắc); Hủy bỏ TT 40 Phụ lục 49 NQ16/2025/NQ-HĐND
		- Cách ngã tư kênh hãng và KT1 500m - Kênh KT4	487	Sắp xếp lại vị trí các đoạn của Đường Tỉnh 965B (Thứ 11 - An Minh Bắc); Hủy bỏ TT 40 Phụ lục 49 NQ16/2025/NQ-HĐND
		- Từ kênh KT5 - Kênh KT4	571	Sắp xếp lại vị trí các đoạn của Đường Tỉnh 965B (Thứ 11 - An Minh Bắc); Hủy bỏ TT 40 Phụ lục 49 NQ16/2025/NQ-HĐND
4	6	Đường Tỉnh 965B (Kênh Kim Qui - Vân Khánh)		Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Tỉnh 965B (Thứ 11 - An Minh Bắc)
		- Giáp dự án Trung tâm thương mại thị trấn Thứ 11 đi vào 500m	728	
		- Sau 500m - kênh Lung	619	

TT	Số TT PL49 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
5	15	Đường Số 6: Khu trung tâm thương mại và đoạn đường mới đến dốc cầu vượt Tân Bằng - Cán Gáo	3.510	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Số 6: Khu trung tâm thương mại gồm các thửa đất giáp mặt tiền đường trừ các thửa (ô) 01 Lô 4)
6	16	Đường Số 6: Khu tái định cư và đoạn đường mới đến dốc cầu vượt Tân Bằng - Cán Gáo	650	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Số 6: Khu tái định cư gồm các thửa đất giáp mặt tiền đường thuộc Lô 10, Lô 11)
7	29	Đường Hành lang ven biển phía Nam		
		- Từ cống Ba Nghé - Kênh Chệt Ớt	837	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ cống Ba Nghé-)
		- Từ kênh Chệt Ớt - Kênh Hãng	1.201	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ kênh Chệt Ớt)
		- Từ kênh Hãng - Kênh 26/3	837	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ kênh Hãng)
		- Đường Hành lang ven biển phía Nam (Các đoạn còn lại)	571	Sắp xếp lại vị trí các đoạn của Đường Hành lang ven biển phía Nam; Hủy bỏ TT 42 Phụ lục 49 NQ16/2025/NQ-HĐND
8	37	Đất ở thị trấn cũ ngoài các khu vực trên	377	Sửa tên đường (Tên cũ: Đất ở thị trấn ngoài các khu vực trên
9	45	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	264	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL49 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
10	46	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	238	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	3	Bờ Tây kênh Tân Bằng - Cán Gáo		
		Bờ Tây kênh Tân Bằng - Cán Gáo (đoạn còn lại thuộc địa bàn Xã An Minh)	384	Bổ sung
2	5	Đường Tỉnh 965B (Thứ 11 - An Minh Bắc)		
		Cách đường Hành lang ven biển phía nam 600 đến cách ngã tư KT1 500m	690	Bổ sung
3	39	Đường Thứ 10 - Rọ Ghe		
		Cách sông xáng Xẻo Rô và 1000m đến giáp ranh xã Đông Hưng	571	Bổ sung
4		Đường KT1: Từ giáp Đông Hòa – kênh 14 giáp xã U Minh (Trừ ngã 4 Kênh Hãng và Ngã 5 Miếu ông Hoàng mỗi bên 500m)	461	Bổ sung
5		Đường Ngã Bát: Từ giáp Đường Hành lang ven biển phía Nam đến cách Ngã 5 miếu ông hoàng 500m	461	Bổ sung

TT	Số TT PL49 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
6		Khu dân cư Trường Phát		Bổ sung
		Đường số 14	6.084	Bổ sung
		Đường số 2A, 44	4.870	Bổ sung
		Các tuyến còn lại	3.895	Bổ sung
	38	Đường Tỉnh 967 (Thứ 7 - Cán Gáo)		
	40	Đường Tỉnh 965B (Thứ 11 - An Minh Bắc)		
III	**HỦY BỎ**			
1	47	Các tuyến còn lại		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL49 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	II	Khu vực còn lại thuộc (trừ các ấp 1, 2, 3, 4)		Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực thuộc các ấp: ấp 10 chợ A, ấp 10 Chợ, ấp 10 Huỳnh, ấp 11B, ấp Đông Bình, ấp Thành Phụng Tây, ấp Thành Phụng Đông, ấp Thanh Hùng, ấp Danh Coi, ấp 15, ấp Vàm Xáng, ấp 11A, Ấp Cán Gáo)
II	**BỔ SUNG**			
1	I	Khu vực thuộc các ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4		
a	3	Đất nuôi trồng thủy sản	36	Bổ sung giá đất